

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 27/7/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
tranh chấp chia tài sản;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn

Các Thẩm phán: Ông Ngô Sỹ Tiến

Ông Nguyễn Đức Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Bích Thủy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 16/2021/TLPT- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, tranh chấp tài sản”.

Do bị đơn anh Nguyễn Đình G kháng cáo bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có Quyết định số 765/KNPT-DS ngày 16/4/2021, kháng nghị bản án số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 106/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị P, sinh năm 1980 – có mặt;

Địa chỉ: Thôn 5, xã HS, huyện AS, tỉnh Nghệ An

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình G, sinh năm 1976 – có mặt;

Địa chỉ: Thôn 5, xã HS, huyện AS, tỉnh Nghệ An

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Hà Ngọc L, sinh năm 1946 – có đơn xin vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn 4, xã ĐS, huyện AS, tỉnh Nghệ An

+ Chị Hà Thị T, sinh năm 1983 – có mặt;

Địa chỉ: Thôn 3, xã TS, huyện AS, tỉnh Nghệ An

+ Anh Đậu Văn M, sinh năm 1978 – có mặt;

Địa chỉ: Thôn 3, xã TS, huyện AS, tỉnh Nghệ An

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Nguyễn Đình G, sinh năm 1976 – có mặt;
địa chỉ: Thôn 5, xã HS, huyện AS, tỉnh Nghệ An.

5. *Cơ quan kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bản án sơ thẩm số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, vụ án có nội dung:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị P trình bày như sau:

Chị Hà Thị P và anh Nguyễn Đình G kết hôn với nhau vào tháng 3/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L Sơn, huyện AS. Việc kết hôn là H toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng nhiều chuyện trong cuộc sống, đặc biệt là mâu thuẫn về mặt kinh tế, quản lý chi tiêu trong gia đình. Anh G không có trách nhiệm với vợ con, nợ nần nhiều nhưng anh G không gánh vác cùng vợ, đi làm không chịu đưa tiền về hỗ trợ cho vợ nuôi con và trả nợ. Cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, mặc dù còn sống chung trong một gia đình nhưng vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Tình cảm vợ chồng thực sự không còn, chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh G.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị M H, sinh ngày 31/10/2013 và cháu Nguyễn Thị M H1, sinh ngày 12/02/2015. Ly hôn chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con vì hiện tại các con đều đang còn nhỏ, lại là con gái nên chị không muốn tách các con ra sợ ảnh hưởng đến cuộc sống và việc học tập của các con, mặt khác anh G sống vô trách nhiệm với con cái nên giao con cho anh G chị không yên tâm. Chị P yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con cho chị với mức 1.000.000 đồng/01 đứa/ tháng.

Về tài sản chung: Quá trình sống chung, vợ chồng tạo dựng được các tài sản chung sau: 01 thửa đất ở đất vườn là thửa số 62, tờ bản đồ 23 tại thôn 5 (trước đây là thôn 8), xã HS, huyện AS có diện tích 148,6 m²; 01 ngôi nhà xây dựng trên thửa đất số 62, tờ bản đồ 23; cùng các tài sản khác gồm 01 bộ bàn ghế gỗ; 01 điều hòa nhiệt độ; 01 chiếc ti vi; 01 bình nước nóng lạnh; 01 máy lọc nước; 01 tủ lạnh; 01 kệ gỗ; 02 cái giường; 01 máy giặt; 01 bộ bếp gas; 01 két sắt; 01 giá đựng bát đĩa; 01 máy phát điện; 01 bồn nước; 01 giếng nước.

Về nợ: Năm 2014 vợ chồng vay của bố đẻ chị là ông Hà Ngọc L số tiền 320.000.000 đồng để mua đất mua nhà, đã trả được 50.000.000 đồng, nay còn nợ 270.000.000 đồng, vay của vợ chồng em gái chị P là chị Hà Thị T, và anh Đậu Văn M số tiền 200.000.000 đồng. Tổng nợ là 470.000.000 đồng.

Ly hôn chị P đề nghị Tòa án cân đối tài sản và nợ để chia cho vợ chồng, trong đó đề nghị Tòa án xem xét công sức đóng góp của chị trong quá trình tạo dựng tài sản chung để chia phần cho chị phần nhiều hơn anh G. Trước khi mua đất, mua nhà, chị đã bán một mảnh đất tại Bình Dương được 150.000.000 đồng (mảnh đất chị P mua trước khi kết hôn), ngoài ra quá trình mua đất, mua nhà, sửa nhà cũng chỉ có chị P đứng ra lo liệu, còn anh G nói rằng không có tiền không muốn mua nhà, nên anh G không có đóng góp gì đáng kể. Chị P đề nghị

được trả nợ cho ông L và vợ chồng chị T, anh M và nhận toàn bộ tài sản bằng hiện vật, đồng thời giao tiền chênh lệch cho anh G.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Đình G trình bày: Anh và chị Hà Thị P kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L Sơn, huyện AS. Việc kết hôn là H toàn tự nguyện. Thời gian đầu sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2017 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng nhiều chuyện trong cuộc sống, chủ yếu là về vấn đề chi tiêu, kinh tế trong gia đình. Càng ngày cuộc sống vợ chồng càng căng thẳng. Mặc dù còn sống chung nhưng tình cảm vợ chồng không còn nữa, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị P khai. Ly hôn anh G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị M H và đề nghị giao cháu H1 cho chị P nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Quá trình sống chung vợ chồng tạo dựng được các tài sản chung sau: 01 thửa đất ở đất vườn là thửa số 62, tờ bản đồ 23 tại thôn 5 (trước đây là thôn 8), xã HS, huyện AS có diện tích 148,6 m²; 01 ngôi nhà xây dựng ống xây trên thửa đất số 62, tờ bản đồ 23 và các công trình phụ và kết cấu đi kèm, gồm: 01 chuồng gà, 02 cửa cuốn, 01 mái tôn, tường rào, 03 khung sắt; các tài sản khác trong gia đình: 01 bộ bàn ghế gỗ; 01 điều hòa nhiệt độ; 01 chiếc ti vi; 01 bình nước nóng lạnh; 01 máy lọc nước; 01 tủ lạnh; 01 kệ gỗ; 02 cái giường; 01 máy giặt; 01 bộ bếp gas; 01 két sắt; 01 giá đựng bát đĩa; máy phát điện; 01 bồn nước; 01 giếng nước. Ly hôn anh đề nghị Tòa án cân đối tài sản và chia đôi cho vợ chồng. Anh G đề nghị giao toàn bộ đất, nhà và tài sản khác trong gia đình cho chị P, chị P phải có trách nhiệm H lại giá trị chênh lệch cho anh.

Về nợ: Anh G cho rằng vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng. Đối với khoản nợ ông Hà Ngọc L 270.000.000 đồng và nợ của vợ chồng chị Hà Thị T, anh Đậu Văn M 200.000.000 đồng như trình bày của chị Hà Thị P thì anh G không thống nhất vì anh không biết chị P vay khi nào. Theo anh G, năm 2014 quá trình mua nhà mua đất vợ chồng anh chủ yếu là tự dành dụm được, ngoài ra vợ chồng anh chỉ vay của ông Hà Ngọc L (bố đẻ chị P) 30.000.000 đồng; vay của chị Hà Thị T (em gái ruột chị P) số tiền 15.000.000 đồng. Khi vay và giao nhận tiền chị P là người trực tiếp vay và nói lại với anh, anh không tham gia. Hiện tại số tiền vay nợ trên theo anh G thì chị P đã trả cho ông L, chị T đầy đủ. Do đó anh G không đồng ý cùng chị P liên đới trả nợ cho ông L và vợ chồng chị T, anh M như yêu cầu của chị P.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Ngọc L trình bày: Năm 2014 do H cảnh vợ chồng chị P, anh G mới ra ở riêng lại ở trọ xa gia đình, nên ông L đã bàn bạc chị P, anh G mua đất và nhà gần anh em, bố mẹ để tiện đi lại cũng như có điều kiện làm ăn buôn bán. Tuy nhiên do H cảnh mới cưới nhau, điều kiện kinh tế không có nên không đủ tiền mua đất, do đó ông L quyết định

cho cho vợ chồng chị P vay 320.000.000 đồng, cộng với vận động em gái chị P là chị Hà Thị T cho vay thêm 200.000.000 đồng, cùng với số tiền chị P bán đất tại Bình Dương được 150.000.000 đồng và tiền mặt trong gia đình tích góp được 27.000.000 đồng để mua đất mua nhà. Thời điểm đó giá căn nhà và đất là 600.000.000 đồng, sau khi mua nhà xây thêm ột và sửa sang lại căn nhà hết khoảng 100.000.000 đồng. Khi vay có làm giấy tờ nhưng chỉ chị P ký vào giấy, thỏa thuận khi nào vợ chồng có thì trả. Sau khi mua nhà, chị P, anh G mới chỉ trả được cho ông 50.000.000 đồng, nay còn nợ 270.000.000 đồng. Vào tháng 3/2019, do anh G không có trách nhiệm với gia đình nên chị P đã tiến hành họp gia đình, anh G cam đoan mỗi tháng đưa về 6.000.000 đồng để trả nợ, nhưng cho đến nay vẫn chưa thanh toán cho ông đồng nào. Trường hợp ly hôn thì ông L đề nghị nếu Tòa án giao nhà và đất cho ai thì người đó phải có trách nhiệm trả nợ cho ông, còn lãi suất ông L không yêu cầu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị T, anh Đậu Văn M thống nhất trình bày: Năm 2014 do H cảnh vợ chồng chị P, anh G mới ra ở riêng lại ở trọ xa gia đình, nên ông Hà Ngọc L (bố đẻ chị P, chị T) đã bàn bạc chị P, anh G mua đất và nhà gần anh em, bố mẹ để tiện đi lại cũng như có điều kiện làm ăn buôn bán. Sau khi tìm được nhà và đất (ngôi nhà hiện tại vợ chồng chị P, anh G đang ở) thì chị P, anh G quyết định mua. Tuy nhiên, do H cảnh mới cưới nhau, điều kiện kinh tế không có nên không đủ tiền, do đó ông L đã cho cho vợ chồng chị P vay 320.000.000 đồng, cộng với vận động vợ chồng chị T, anh M cho vay thêm 200.000.000 đồng, cùng với số tiền chị P bán đất tại Bình Dương được 150.000.000 đồng và và một ít tiền mặt tích góp được trong gia đình để mua đất mua nhà. Thời điểm đó giá căn nhà và đất là 600.000.000 đồng, sau khi mua nhà xây thêm ột và sửa sang lại căn nhà hết khoảng 100.000.000 đồng. Khi vay có làm giấy tờ nhưng chỉ có chị P ký vào giấy vì không nghĩ sẽ có ngày hôm nay, hai bên thỏa thuận khi nào vợ chồng có điều kiện thì trả, lãi suất thỏa thuận mỗi tháng trả 2.000.000 đồng để cho vợ chồng chị P có trách nhiệm. Cho đến nay vợ chồng chị P anh G chưa thanh toán cho vợ chồng chị T, anh M được đồng nào. Trường hợp ly hôn thì chị T, anh M đề nghị nếu Tòa án giao nhà và đất cho ai thì người đó phải có trách nhiệm trả nợ, lãi suất chị T, anh M không yêu cầu.

Trong quá trình quyết vụ án cháu Nguyễn Thị M H là con chung của chị P, anh G trình bày: “Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Hà Thị P”.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định tài sản chung vợ chồng gồm có:

- Thửa đất số 62, tờ bản đồ 23, diện tích 148,6 m² (Trong đó 108 m² đất ở và 40,6 m² đất vườn) tại thôn 5, xã HS, huyện AS, tỉnh Nghệ An trị giá 1.000.420.000 đồng.

- Tài sản trên đất: 01 ki ột xây dựng năm 2014 bằng gạch táp lô, lợp ngói 56.241.153 đồng; 01 ngôi nhà cấp bốn xây bằng gạch táp lô, lợp ngói, trần tôn, diện tích 60,65 m² xây vào năm 2004, có giá 103.313.000 đồng; 01 chuồng gà 3.594.000 đồng; 01 tường rào xây bằng gạch táp lô vào năm 2014 có giá

200.000 đồng; 03 khung sắt có giá 300.000 đồng; 02 cửa cuốn tự động 3.140.000 đồng.

+ Các tài sản khác trong gia đình: 01 máy lọc nước 1.000.000 đồng; 01 điều hòa nhiệt độ 2.240.000 đồng; 01 tivi 300.000 đồng; 01 bộ bếp gas 500.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ 1.250.000 đồng; 01 kệ gỗ 825.000 đồng; 01 giường kích thước 1,8mét x 2 mét 2.188.000 đồng; 01 giường kích thước 1,5mét x 1,9 mét 200.000 đồng; 01 kết sắt 938.000 đồng; 01 giá để bát 1.375.000 đồng; 01 máy giặt 200.000 đồng; 01 tủ lạnh 1.600.000 đồng; 01 máy phát điện 4.200.000 đồng; 01 bồn nước và giá đỡ 1.000.000 đồng; 01 giếng nước 200.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung vợ chồng chị P, anh G đã tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân là 1.187.541.153 đồng.

Tại bản án số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện AS, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng các Điều 29, 33, 51, 56, 59, 60, 62, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213, 219 Bộ luật dân sự; các Điều 28, 35, 39, 227, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị P.

Về hôn nhân: Chị Hà Thị P và anh Nguyễn Đình G được ly hôn.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị M H, sinh ngày 31/10/2013; cháu Nguyễn Thị M H1, sinh ngày 12/02/2015 cho chị Hà Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đình G có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi cháu H, cháu H1 cho chị P với mức 1.000.000 đồng/cháu/tháng, tổng cộng 2.000.000 đồng/tháng/2 cháu, thực hiện kể từ tháng 4 năm 2021. (Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Đình G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở).

Về tài sản chung và nợ:

Giao cho chị Hà Thị P được quản lý sử dụng các tài sản sau:

+ Thửa đất số 62, tờ bản đồ 23, diện tích 148,6 m² (Trong đó 108 m² đất ở và 40,6 m² đất vườn), có giá 1.000.420.000 đồng tại thôn 5, xã HS, huyện AS, tỉnh Nghệ An, có vị trí tiếp giáp như sau: Phía Đông bắc tiếp giáp QL 7A có chiều dài 6,67 mét; Phía Đông Nam tiếp giáp thửa đất số 67, tờ bản đồ 23, có chiều dài 23,01 mét; Phía Tây Nam tiếp giáp thửa số 66, tờ bản đồ 23 có chiều dài 4,84 mét; Phía Tây Bắc tiếp giáp thửa 61 tờ bản đồ 23 có chiều dài 23,04 mét

+ Tài sản trên đất: 01 ki ốt xây dựng năm 2014 bằng gạch táp lô, lợp ngói 56.241.153 đồng; 01 ngôi nhà cấp bốn xây bằng gạch táp lô, lợp ngói, trần tôn, diện tích 60,65 m² xây vào năm 2004, có giá 103.313.000 đồng; 01 chuồng gà xây vào năm 2014 có giá 3.594.000 đồng; 01 tường rào xây bằng gạch táp lô vào năm 2014 có giá 200.000 đồng; 03 khung sắt có giá 300.000 đồng; 02 cửa cuốn tự động 3.140.000 đồng.

+ Các tài sản khác trong gia đình: 01 máy lọc nước 1.000.000 đồng; 01 điều hòa nhiệt độ 2.240.000 đồng; 01 tivi 300.000 đồng; 01 bộ bếp gas 500.000

đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ 1.250.000 đồng; 01 kệ gỗ 825.000 đồng; 01 giường kích thước 1,8mét x 2 mét 2.188.000 đồng; 01 giường kích thước 1,5mét x 1,9 mét 200.000 đồng; 01 kết sắt 938.000 đồng; 01 giá để bát 1.375.000 đồng; 01 máy giặt 200.000 đồng; 01 tủ lạnh 1.600.000 đồng; 01 máy phát điện 4.200.000 đồng; 01 bồn nước và giá đỡ 1.000.000 đồng; 01 giếng nước 200.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chi P được nhận là 1.187.541.153 đồng (Một tỷ, một trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, một trăm năm mươi ba đồng).

Giao cho chị Hà Thị P có nghĩa vụ thanh toán nợ chung vợ chồng cho ông Hà Ngọc L với số tiền 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), thanh toán cho vợ chồng chị Hà Thị T, anh Đậu Văn M số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Buộc chị Hà Thị P phải H lại cho anh Nguyễn Đình G tiền chênh lệch tài sản mà anh G được chia (30% giá trị tài sản sau khi đã trừ nợ chung vợ chồng) trong khối tài sản chung vợ chồng là 215.262.346 đồng (Hai trăm mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi sáu đồng). Anh Nguyễn Đình G được nhận lại từ chị P số tiền 215.262.346 đồng (Hai trăm mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi sáu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, anh Nguyễn Đình G kháng cáo bản án sơ thẩm số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện AS, tỉnh Nghệ An với nội dung:

Về tài sản: Cần xem xét khối tài sản chung của vợ chồng hình thành trong thời kỳ hôn nhân, chia cho mỗi bên 50% giá trị tài sản.

Về nợ chung: Những khoản nợ mà không có chứng cứ chứng M, không có chữ ký của anh và không có công chứng hoặc chứng thực trên giấy tờ vay nợ thì không được xác định là nợ chung của vợ chồng.

Về con chung: Giao quyền nuôi 02 con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh là giáo viên có thu nhập ổn định, cũng nuôi dạy con tốt hơn, vợ anh làm nghề tự do giờ giấc không ổn định.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có Quyết định kháng nghị số 765/KNPT-DS ngày 16/4/2021 kháng nghị Bản án số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 với nội dung:

Về con chung: Anh G và chị P đều có nguyện vọng nuôi con, nguyện vọng của anh G và chị P là chính đáng. Anh G là giáo viên có điều kiện chăm sóc con, có thu nhập ổn định lương 9.987.377 đồng/tháng nhưng bản án sơ thẩm giao 02 con chung là cháu H và cháu H1 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là chưa phù hợp và không đúng quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Đình G có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/cháu/tháng, thực hiện kể từ tháng 4 năm 2021 nhưng bản án không quyết định thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về phân chia tài sản chung: Anh Nguyễn Đình G được chia 215.262.346 đồng; chị Hà Thị P được chia 502.278.807 đồng (nhiều hơn anh G 287.016.461

đồng) là không phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 59, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm ảnh hưởng quyền lợi anh G.

Giao cho nguyên đơn chị Hà Thị P được “quản lý sử dụng” thửa đất số 62 tờ bản đồ 23 tại thôn 5, xã HS, huyện AS, tỉnh Nghệ An, các tài sản trên đất và các tài sản khác (có nêu cụ thể từng loại tài sản) là không chính xác. Đáng lẽ bản án sơ thẩm giao cho chị P quyền sử dụng thửa đất số 62 và quyền sở hữu các tài sản trên đất và các tài sản khác theo quy định tại Điều 235 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 4, Luật đất đai.

Về án phí: Bản án sơ thẩm buộc chị P có nghĩa vụ thanh toán nợ chung vợ chồng cho ông Hà Ngọc L 270.000.000 đồng, thanh toán cho vợ chồng chị Hà Thị T, anh Đậu Văn M 200.000.000 đồng. Nhưng không buộc chị P, anh G phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là vi phạm quy định tại điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ngoài ra, Bản án quyết định không đúng quy định pháp luật về mức lãi suất chậm thi hành án.

Những vi phạm này cấp phúc thẩm có thể khắc phục được nên cần áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Đình G giữ nguyên nội dung kháng cáo; Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung Quyết định kháng nghị số 765/KNPT-DS ngày 16/4/2021.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Anh Nguyễn Đình G kháng cáo trong thời hạn luật định; nội dung, hình thức đơn kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật; vì vậy, kháng cáo của anh G được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng pháp luật. Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các bên đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Đình G và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An. Sửa bản án sơ thẩm về tài sản chung, cấp dưỡng nuôi con, án phí, lãi suất chậm thi hành án.

Căn cứ vào các Điều 27, 30, 37, 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị P và anh Nguyễn Đình G.

- Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận. Anh Nguyễn Đình G có nghĩa vụ giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị M H, sinh ngày 31/10/2013 và cháu Nguyễn Thị M H1, sinh ngày 12/02/2015 cho chị Hà Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Đình G có nghĩa vụ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị Hà Thị P mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 4/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Đình G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung:

Anh Nguyễn Đình G có nghĩa vụ giao lại cho chị Hà Thị P được quyền sử dụng:

+ Thửa đất số 62, tờ bản đồ 23, diện tích 148,6 m² (Trong đó 108 m² đất ở và 40,6 m² đất vườn) trị giá 1.000.420.000 đồng tại thôn 5, xã HS, huyện AS, tỉnh Nghệ An đã được Ủy ban nhân dân huyện AS, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 406341 ngày 05/3/2019 cấp cho anh Nguyễn Đình G và chị Hà Thị P.

Anh Nguyễn Đình G có nghĩa vụ giao lại cho chị Hà Thị P được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm và các tài sản khác trong gia đình. Tổng giá trị tài sản chị P được nhận là 1.187.041.153 đồng.

Chị Hà Thị P có nghĩa vụ thanh toán nợ chung vợ chồng cho ông Hà Ngọc L với số tiền 270.000.000 đồng, thanh toán cho vợ chồng chị Hà Thị T, anh Đậu Văn M số tiền 200.000.000 đồng.

Buộc chị Hà Thị P phải giao lại cho anh Nguyễn Đình G 40% giá trị tài sản sau khi đã trừ nợ chung vợ chồng trong khối tài sản chung vợ chồng là 286.816.000 đồng.

- Về án phí: Chị Hà Thị P phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm; án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản và án phí dân sự về nghĩa vụ trả nợ.

Anh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản, án phí dân sự về nghĩa vụ trả nợ và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Anh G không phải chịu án phí phúc thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo, người kháng nghị, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, kháng nghị, thời hạn kháng cáo, kháng nghị là đúng theo quy định tại các điều 271, 272, 273, 278, 279, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Đình G, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An là hợp lệ và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung không kháng cáo: Chị P và anh Nguyễn Đình G kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L Sơn, huyện AS. Việc kết hôn là H toàn tự nguyện. Thời gian đầu sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2017 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng nhiều chuyện trong cuộc sống, đặc biệt là mâu thuẫn về mặt kinh tế, quản lý chi tiêu trong gia đình. Cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, mặc dù còn sống chung trong

một gia đình nhưng vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Tình cảm vợ chồng thực sự không còn, chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh G cũng thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng và thuận tình ly hôn với chị P. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Đình G là chưa chính xác. Do đó cần sửa bản án là công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị P và Nguyễn Đình G.

[3] Nội dung kháng cáo, kháng nghị về con chung:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh G và chị P thỏa thuận giao cả hai con cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục như bản án sơ thẩm đã tuyên, anh G đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 4/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Do đó, giữ nguyên quyền nuôi con và nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con, sửa bản án sơ thẩm về ấn định thời gian kết thúc nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An là đúng quy định của pháp luật.

[4] Nội dung kháng cáo, kháng nghị về tài sản:

4.1. Về tài sản chung: Chị P, anh G H toàn thống nhất tổng giá trị tài sản chung vợ chồng chị P, anh G đã tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân như phản ánh tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.187.041.153 đồng. Bản sơ thẩm đã liệt kê thiếu tài sản mái tôn và sai về giá trị của hai bộ cửa cuốn dẫn đến tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là chưa chính xác.

Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Hà Thị P về tính công sức đóng góp trong việc tạo dựng khối tài sản chung thấy rằng: Năm 2013 chị P, anh G kết hôn, đến tháng 11 năm 2014 vợ chồng tiến hành mua đất mua nhà. Tổng cộng tiền mua đất, nhà và sửa nhà là 700.000.000 đồng. Trước khi mua nhà chị P đã bán 01 thửa đất là tài sản riêng của chị P trước khi kết hôn với anh G tại Bình Dương được số tiền 150.000.000 đồng để góp vào số tiền mua nhà. Như vậy số tiền chị P bán tài sản riêng để mua nhà, đất, sửa nhà tương ứng với 21,4% tổng tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, sau khi trừ nợ đã tính phần công sức của chị P nhiều hơn anh G là đúng quy định. Nhưng việc xác định giá trị tài sản của chị P với tỷ phần bằng 70%, anh G 30 % là chưa phù hợp, gây thiệt hại cho anh G như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An và kháng cáo của anh G là có căn cứ. Do đó cần sửa bản án, xác định tỷ phần chia chia tài sản chung cho chị P bằng 60%, anh G 40 % giá trị tài sản chung sau khi đã trừ nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng là phù hợp và tương ứng với phần đóng góp công sức của chị P.

4.2 Về giao quyền sử dụng đất:

Bản án sơ thẩm quyết định giao cho nguyên đơn chị Hà Thị P được “quản lý sử dụng” thửa đất số 62 tờ bản đồ 23 tại thôn 5, xã HS, huyện AS, tỉnh Nghệ An, các tài sản trên đất và các tài sản khác (có nêu cụ thể từng loại tài sản) là chưa đúng theo quy định tại Điều 235 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 4, Luật đất đai như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An là có căn cứ, cần sửa bản án.

4.3. Về nợ chung:

Khoản vay 320.000.000 của ông Hà Ngọc L đã trả 50.000.000 đồng nay còn nợ 270.000.000 đồng, giấy vay tiền chỉ một mình chị P ký. Tại phiên tòa phúc thẩm anh G thừa nhận vay để mua nhà đất. Ông L không yêu cầu tiền lãi suất. Do đó, xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng cần buộc chị P và anh G có nghĩa vụ trả nợ cho ông Hà Ngọc L.

Đối với khoản vay vợ chồng chị Hà Thị T và anh Đậu Văn M 200.000.000 đồng. Xét: Chị P và anh G kết hôn vào tháng 3/2013. Đến tháng 11/2014 anh chị đã mua nhà, đất và sửa nhà hết 700.000.000 đồng (trong đó mua nhà, đất hết 600.000.000 đồng, sửa nhà hết 100.000.000 đồng). Quá trình chung sống kể từ khi kết hôn cho đến khi mua nhà (khoảng 20 tháng) anh G mỗi tháng đều đưa cho chị P 6.000.000 đồng để chi tiêu trong gia đình, chị P làm nghề gội đầu thu nhập bấp bênh. Ngoài ra thời điểm năm 2013 đến năm 2014 chị P sinh đẻ và nuôi con nhỏ không hành nghề nên không có thu nhập. Anh G cho biết khi kết hôn anh không có tài sản riêng, không được ai tặng cho thừa kế tài sản. Anh G không chứng M được nguồn tiền để vợ chồng mua đất, nhà và sửa nhà. Bên cạnh đó anh G khi thì cho là không vay tiền của ông L, khi thì viết giấy xác nhận và cho rằng bị ép buộc, khi thì chỉ thừa nhận vay 30.000.000 đồng đã trả hết, tại phiên tòa phúc thẩm lại chấp nhận khoản nợ ông L. Tại phiên tòa phúc thẩm anh G cho rằng chưa bao giờ vay tiền của chị T và anh M nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh G lại thừa nhận có vay 15.000.000 đồng. Xét thấy lời khai của anh G khai nại trước sau bất nhất, không có cơ sở để chấp nhận. Theo các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án về nguồn thu nhập, tài sản chung của vợ chồng thì có cơ sở chấp nhận khoản nợ của vợ chồng anh M và chị T 200.000.000 đồng do một mình chị P ký giấy vay nợ là khoản nợ chung của vợ chồng vay để mua nhà và đất. Chị T và anh M không yêu cầu tiền lãi suất.

4.4. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm chị Hà Thị P và anh G thống nhất giao toàn bộ tài sản là hiện vật cho chị P, anh G nhận tài sản bằng tiền do chị P giao lại. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Ngọc L, chị Hà Thị T, anh Đậu Văn M yêu cầu Tòa án giao đất và nhà cho ai thì người đó phải có trách nhiệm thanh toán nợ. HĐXX xét thấy các bên đương sự đã thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật, hiện tại chị P đang nuôi con nhỏ, ngôi nhà là chỗ ở duy nhất của chị P và các con, kích thước thửa đất không đủ điều kiện tối thiểu để tách thửa. Do đó việc giao quyền sử dụng đất, nhà, các tài sản khác trong gia đình và trách nhiệm trả nợ cho chị P, buộc chị P phải H lại giá trị tài sản cho anh G như bản án sơ thẩm đã tuyên xử là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An kháng nghị bản án sơ thẩm về chưa tính án phí của nghĩa vụ trả nợ và lãi suất chậm thi hành án, chưa xác định giới hạn việc cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Xét các sai sót của bản án sơ thẩm chưa đến mức nghiêm trọng, cấp phúc thẩm có

thể khắc phục được. Do đó sửa bản án sơ thẩm như kháng nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Kháng cáo của anh Nguyễn Đình G được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tính lại án phí sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Đình G. Chấp nhận Kháng nghị số 765/KNPT-DS ngày 16/4/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An. Sửa bản án sơ thẩm về tài sản chung, cấp dưỡng nuôi con, án phí, lãi suất chậm thi hành án.

Căn cứ vào các Điều 27, 30, 37, 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị P và anh Nguyễn Đình G.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận. Buộc anh Nguyễn Đình G có nghĩa vụ giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị M H, sinh ngày 31/10/2013 và cháu Nguyễn Thị M H1, sinh ngày 12/02/2015 cho chị Hà Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Đình G có nghĩa vụ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị Hà Thị P mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 4/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Đình G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh G không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Nếu vi phạm chị P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Anh Nguyễn Đình G có nghĩa vụ giao lại cho chị Hà Thị P được quyền sử dụng:

+ Thửa đất số 62, tờ bản đồ 23, diện tích 148,6 m² (Trong đó 108 m² đất ở và 40,6 m² đất vườn) trị giá 1.000.420.000 đồng tại thôn 5, xã HS, huyện AS, tỉnh Nghệ An, có vị trí tiếp giáp như sau: Phía Đông bắc tiếp giáp Quốc lộ 7A có chiều dài 6,67 mét; phía Đông Nam tiếp giáp thửa đất số 67, tờ bản đồ 23, có

chiều dài 23,01 mét; phía Tây Nam tiếp giáp thửa số 66, tờ bản đồ 23 có chiều dài 4,84 mét; phía Tây Bắc tiếp giáp thửa 61 tờ bản đồ 23 có chiều dài 23,04 mét, đã được Ủy ban nhân dân huyện AS, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 406341 ngày 05/3/2019 mang tên anh Nguyễn Đình G và chị Hà Thị P. Chị P có nghĩa vụ đăng ký biến động đất và thực hiện các thủ tục theo quy định của Luật đất đai về chuyển quyền sử dụng đất.

Anh Nguyễn Đình G có nghĩa vụ giao lại cho chị Hà Thị P được quyền sở hữu các tài sản gồm: 01 ki ốt xây dựng năm 2014 bằng gạch táp lô, lợp ngói trị giá 56.241.153 đồng; 01 ngôi nhà cấp bốn xây bằng gạch táp lô, lợp ngói, trần tôn, diện tích 60,65 m² xây vào năm 2004, trị giá 103.313.000 đồng; 01 chuồng gà xây vào năm 2014 trị giá 3.594.000 đồng; 01 tường rào xây bằng gạch táp lô vào năm 2014 trị giá 200.000 đồng; 03 khung sắt trị giá 300.000 đồng; 02 cửa cuốn tự động trị giá 3.410.000 đồng; mái tôn trị giá 1.547.000 đồng; 01 máy lọc nước trị giá 1.000.000 đồng; 01 điều hòa nhiệt độ trị giá 2.240.000 đồng; 01 tivi trị giá 300.000 đồng; 01 bộ bếp gas trị giá 500.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 1.250.000 đồng; 01 kệ gỗ trị giá 825.000 đồng; 01 giường kích thước 1,8mét x 2 mét trị giá 2.188.000 đồng; 01 giường kích thước 1,5mét x 1,9 mét trị giá 200.000 đồng; 01 kết sắt trị giá 938.000 đồng; 01 giá để bát trị giá 1.375.000 đồng; 01 máy giặt trị giá 200.000 đồng; 01 tủ lạnh trị giá 1.600.000 đồng; 01 máy phát điện trị giá 4.200.000 đồng; 01 bồn nước và giá đỡ trị giá 1.000.000 đồng; 01 giếng nước trị giá 200.000 đồng.

Chị Hà Thị P được nhận quyền sử dụng đất và các tài sản do anh G giao lại. Tổng giá trị tài sản chị P được nhận là 1.187.041.153 đồng (Một tỷ, một trăm tám mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, một trăm năm mươi ba đồng).

Chị Hà Thị P có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ chung của vợ chồng cho ông Hà Ngọc L số tiền còn nợ 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 15/11/2014, thanh toán cho vợ chồng chị Hà Thị T, anh Đậu Văn M số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 24/11/2014.

Ông Hà Ngọc L được nhận 270.000.000 đồng; chị Hà Thị T và anh Đậu Văn M được nhận 200.000.000 đồng do chị Hà Thị P trả nợ.

Buộc chị Hà Thị P phải giao lại cho anh Nguyễn Đình G tiền chênh lệch tài sản mà anh G được chia (40% giá trị tài sản sau khi đã đối trừ nợ chung vợ chồng) trong khối tài sản chung vợ chồng là 286.816.000 đồng (Hai trăm tám mươi sáu triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng). Anh Nguyễn Đình G được nhận do chị P giao lại tiền chênh lệch tài sản số tiền 286.816.000 đồng (Hai trăm tám mươi sáu triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng).

4. Về án phí: Chị Hà Thị P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005792 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AS, tỉnh Nghệ An.

- Chị P phải nộp 21.209.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản và 11.400.000 đồng án phí dân sự về nghĩa vụ trả nợ.

- Anh G phải nộp 14.340.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản, 11.400.000 đồng án phí dân sự về nghĩa vụ trả nợ và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005838 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AS, tỉnh Nghệ An.

- Anh G không phải chịu án phí phúc thẩm.

5. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Cấp cao tại Hà nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện AS;
- Chi Cục THADS huyện AS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Anh Sơn

